

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,507,346,849,681	1,326,965,253,968	4,598,466,191,986	4,191,559,407,205
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	81,767,465,641	81,937,097,136	323,388,379,780	256,571,183,511
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,425,579,384,040	1,245,028,156,832	4,275,077,812,206	3,934,988,223,694
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,121,785,007,899	899,800,943,375	3,272,387,526,656	2,861,915,773,148
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		303,794,376,141	345,227,213,457	1,002,690,285,550	1,073,072,450,546
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,391,279,943	5,828,648,843	11,102,311,185	14,513,203,785
Chi phí tài chính	22	VI.4	207,831,327,190	262,430,442,682	667,693,698,913	752,659,082,492
Trong đó: chi phí lãi vay	23		177,009,106,026	200,664,153,048	592,291,506,327	595,863,482,797
Chi phí bán hàng	24	VI.5	112,435,838,029	58,640,504,894	307,634,159,690	236,813,459,698
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25,459,926,087	29,012,703,216	77,631,418,668	97,491,800,815
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(35,541,435,222)	972,211,508	(39,166,680,536)	621,311,326
Thu nhập khác	31	VI.7	7,660,471,879	1,188,751,800	13,527,737,852	12,298,953,400
Chi phí khác	32	VI.8	1,930,769,734	2,160,963,308	4,172,790,393	12,920,264,726
Lợi nhuận khác	40		5,729,702,145	(972,211,508)	9,354,947,459	(621,311,326)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(29,811,733,077)	-	(29,811,733,077)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29,811,733,077)	-	(29,811,733,077)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					



Lê Thị Phương Dung
 T. phòng tài chính kế toán



Mai Văn Yên
 Phó Tổng Giám Đốc

TP.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2012